

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4659/DNA-CĐVT

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 12 năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ Sửa
chữa lớn đường ống đầu ra, đầu vào bơm
tuần hoàn thiết bị cô đặc cấp 5 A-
15YH1S036 thuộc phân xưởng Cô đặc và
Hiệu chỉnh dung dịch

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch Sửa chữa lớn đường ống đầu ra, đầu vào bơm tuần hoàn thiết bị cô đặc cấp 5 A-15YH1S036 thuộc phân xưởng Cô đặc và Hiệu chỉnh dung dịch. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 02/01/2026.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ Sửa chữa lớn đường ống đầu ra, đầu vào bơm tuần hoàn thiết bị cô đặc cấp 5 A-15YH1S036 thuộc phân xưởng Cô đặc và Hiệu chỉnh dung dịch

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Ống đúc	DN100; SCH40; vật liệu SUS304	Sửa chữa lớn đường ống đầu ra, đầu vào bơm tuần hoàn thiết bị cô đặc cấp 5 A-15YH1S036 thuộc phân xưởng Cô đặc và Hiệu chỉnh dung dịch	m	0,54	
2	Ống đúc	DN450; SCH40; vật liệu SUS304		m	6,33	
3	Ống đúc	DN80; SCH40; vật liệu SUS304		m	1,5	
4	Ống đúc	DN350; SCH40; vật liệu SUS304		m	28,6	
5	Co đúc 45°	DN100; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	2	
6	Co đúc 90°	DN450; SCH40; vật liệu SUS304; co dài;		Cái	2	
7	Co đúc 90°	DN450; SCH40; vật liệu SUS304; co ngắn;		Cái	2	
8	Co đúc 45°	DN80; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	1	
9	Co đúc 90°	DN80; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	2	
10	Co đúc 90°	DN350; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	4	
11	Co đúc 90°	DN350; SCH40; vật liệu SUS304; co ngắn;		Cái	4	
12	Tê đều đúc	DN450; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	1	
13	Côn giảm đúc	DN400x350; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	1	
14	Mặt bích lồng	Gồm: Mặt bích DN450; PN10; vật liệu SUS304 và đầu nối bích DN450; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	1	
15	Mặt bích	DN100; PN16 RF; vật liệu SUS304		Cái	2	

301002
CH
TÁ
CÔNG
KHỎA
-C
Đ
ĐẮK F

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Mặt bích	DN450; PN16 RF; vật liệu SUS304	Sửa chữa lớn đường ống đầu ra, đầu vào bơm tuần hoàn thiết bị cô đặc cấp 5 A-15YH1S036 thuộc phân xưởng Cô đặc và Hiệu chỉnh dung dịch	Cái	2	
17	Mặt bích lồng	Gồm: Mặt bích DN450; PN16; vật liệu SUS304 và đầu nối bích DN450; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	2	
18	Mặt bích mù	DN450; PN10 RF; vật liệu SUS304		Cái	1	
19	Mặt bích lồng	Gồm: Mặt bích DN400; PN10; vật liệu SUS304 và đầu nối bích DN400; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	1	
20	Mặt bích	DN80; PN16 RF; vật liệu SUS304		Cái	2	
21	Mặt bích	DN350; PN16 RF; vật liệu SUS304		Cái	6	
22	Mặt bích lồng	Gồm: Mặt bích DN350; PN16; vật liệu SUS304 và đầu nối bích DN350; SCH40; vật liệu SUS304		Cái	5	
23	Bu lông	M16x75, cường lực 8.8, đen, bao gồm bu lông, đai ốc, vòng đệm		Bộ	32	
24	Bu lông	M24x100, cường lực 8.8, đen, bao gồm bu lông, đai ốc, vòng đệm		Bộ	92	
25	Bu lông	M24x120, cường lực 8.8, đen, bao gồm bu lông, đai ốc, vòng đệm		Bộ	116	
26	Bu lông	M27x110, cường lực 8.8, đen, bao gồm bu lông, đai ốc, vòng đệm		Bộ	20	
27	Bu lông	M27x130, cường lực 8.8, đen, bao gồm bu lông, đai ốc, vòng đệm		Bộ	40	
28	Gioăng xếp chì	DN100; PN16; 4,5mm		Cái	2	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
29	Gioăng xếp chì	DN300; PN16; 4,5mm	Sửa chữa lớn đường ống đầu ra, đầu vào bơm tuần hoàn thiết bị cô đặc cấp 5 A-15YH1S036 thuộc phân xưởng Cô đặc và Hiệu chỉnh dung dịch	Cái	2	
30	Gioăng xếp chì	DN450; PN10; 4,5mm		Cái	1	
31	Gioăng xếp chì	DN450; PN16; 4,5mm		Cái	4	
32	Gioăng xếp chì	DN80; PN16; 4,5mm		Cái	2	
33	Gioăng xếp chì	DN350; PN16; 4,5mm		Cái	8	
34	Gioăng xếp chì	DN400; PN10; 4,5mm		Cái	1	
35	Bông khoáng	60mm; tỷ trọng 80kg/m3		m ³	5	
36	Tôn phẳng	0,5mm; SUS304		m ²	100	
37	Lưới thép	10x10x0,5mm; mạ kẽm		m ²	90	
38	Que hàn	Inox 308; 3,2mm		Kg	80	
39	Đá mài	Ø100x6x16mm		viên	70	
40	Dây thép	1mm; mạ kẽm		Kg	4	
41	Khí Argon	độ tinh khiết >=99,6%, 150 bar, 40 lít/bình		Bình	14	
42	Que hàn	KT-421; 3,2mm		Kg	55	
43	Vít	M4x20		Cái	1200	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.

